

Bản án số:01/2021/HS-ST
Ngày: 11-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Linh và ông Võ Văn Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Đăng Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh ngày 26/10/1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Văn T và bà Phạm Thị T (đều đã chết); vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/11/2020 cho đến nay - Có mặt.

Bị hại: Bà Dương Thị Mỹ T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1938; Nơi cư trú: Thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

- Ông Dương Hữu H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

- Ông Dương Hữu H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/9/2020, sau khi đi ăn giỗ về, Phạm Văn H sang nhà chị Dương Thị Mỹ T ở cùng thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị chơi, xem tivi. Lúc này, chị Thủy và bà Nguyễn Thị D (mẹ của chị T) đang ngồi ăn cơm ở trên giường. Sau khi ăn cơm, chị T đi sang nhà chị gái chơi, trước khi đi chị lấy túi xách vải màu nâu bỏ vào tủ ti vi cất nhưng không khóa. H và bà

D tiếp tục ngồi xem tivi, được một lúc thì bà D đi xuống bếp rửa chén đĩa. Lúc này, H nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong túi xách của chị T để tiêu xài cá nhân. H đi đến tủ tivi lấy túi xách, khi H mở tủ tivi thì phát ra tiếng động, bà D ngồi rửa bát phía dưới bếp nghe thấy nên đi lên nhà trên xem thì thấy H đã lấy túi xách đi ra khỏi nhà. Thấy vậy, bà D hô lớn “H mi trả túi xách lại cho con tao”. Bị bà D phát hiện, H cầm túi xách bỏ chạy, chạy được một đoạn thì H vòng ra phía sau nhà chị T rồi ném túi xách qua cửa sổ vào giường ngủ của chị T, rồi chạy về nhà mình. H vừa về đến nhà thì bà D, chị T, anh Dương Hữu H, anh Dương Hữu H và mọi người đến nhà H đưa H sang nhà chị T. Khi vừa đến nhà chị T thì cháu Nguyễn Văn Q (con trai chị T) nói “Mẹ ơi túi xách đây rồi” đồng thời đưa túi xách mà H vừa trộm cho chị T. Chị T cùng H, anh H, anh H và mọi người mở túi xách ra xem thì thấy trong túi xách có một số giấy tờ tùy thân và một chiếc ví đựng tiền bằng vải màu đà, trong ví có số tiền 2.200.000 đồng. Chị T cho rằng mình bị mất số tiền 3.100.000 đồng vì trong ví có tổng số tiền 5.300.000 đồng, còn H nói “Em lấy túi xách ra thì bị bà D phát hiện nên em vứt lại chứ chưa lấy đồng nào ra khỏi túi xách cả”. Sau đó chị T trình báo vụ việc cho công an xã Triệu An. Công an xã Triệu An đã lập biên bản vụ việc và xác định số tiền có trong ví của chị T là 2.200.000 đồng. Đồng thời tiến hành kiểm tra hành chính trên người H nhưng không phát hiện gì. H thừa nhận hành vi lén lút, chiếm đoạt túi xách của chị T nhưng cho rằng mình chưa kịp lấy tiền trong túi xách. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất mâu thuẫn trong lời khai giữa H và chị T, nhưng không có kết quả. Chị T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong ví có tổng số tiền 5.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-HS ngày 27/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt Phạm Văn H từ 06 tháng 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi thời hạn tù; Về trách nhiệm dân sự không xem xét. Đối với số tiền 3.100.000 đồng, bà T cho rằng bị mất khi bị cáo lấy trộm túi xách nhưng không có căn cứ để buộc bị cáo phải bồi thường vì bà T không chứng minh được bà đã mất số tiền này; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/9/2020, tại nhà chị Dương Thị Mỹ T, ở tại thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị bị cáo Phạm Ngọc H đã lợi dụng sự sơ hở, trong việc quản lý tài sản của chị T nên Phạm Văn H đã có hành vi lén lút, chiếm đoạt túi xách của chị T để trong tủ tivi. Khi bị cáo chiếm đoạt túi xách của chị T thì trong đó có số tiền là 2.200.000 đồng. Hành vi đó, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của chị T và có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định xử phạt theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phạm Văn H là người có sức khỏe đủ tự lao động nuôi sống bản thân mình, nhưng do đua đòi ăn chơi mà dẫn đến phạm tội. Bị cáo biết rõ việc lên lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Điều đó thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi, của bị cáo không những xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của chị T mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn xã Triệu An nói riêng và huyện Triệu Phong nói chung. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s và i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách đưa cho chị T số tiền là 2.000.000 đồng để mong chị T bỏ qua cho hành vi của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Ngoài ra cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì: Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt.

Sau xem xét, tính chất mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và quá trình nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Phạm Văn H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn H có hành vi trộm cắp tài sản của chị T nhưng chưa kịp tiêu xài thì bị bắt được. Số tiền có trong túi xách của chị T là 2.200.000 đồng, Công an xã Triệu An đã lập biên bản vào tối ngày 16/9/2020 đồng thời giao cho chị T quản lý sử dụng nên vấn đề bồi thường thiệt hại không đặt ra. Đối với số tiền 3.100.000 đồng mà chị T cho rằng bị mất trong túi xách do bị cáo trộm cắp vào tối 16/9/2020, Hội đồng xét xử thấy: Khi bị cáo có hành vi trộm cắp bị phát hiện và bắt được ngay bị cáo tại hiện trường nơi xảy ra vụ án. Việc chị T cho rằng mình bị mất thêm 3.100.000 đồng thì Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tại hiện trường cũng như điều tra nguồn thu nhập của chị T nhưng không có cơ sở để kết luận số tiền nói trên của chị T bị mất tại thời điểm Phạm Văn H thực hiện hành vi trộm cắp nên không có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/3/2021. Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKS tỉnh;
- VKS, CA huyện T.Phong;
- Chi Cục THADS huyện T.Phong;
- THA Hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Hải